TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15/11/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa.

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/9/2019 về việc ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST-HNGD ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/01/1996.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Vũ Hồng K, sinh ngày 24/11/1991.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Đ.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T và anh K (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, chị T trình bày:*

Chị và anh Vũ Hồng K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2014 tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống giữa hai người có nhiều cách biệt và bất đồng về quan điểm sống nên hai bên thường xuyên xảy ra tranh cãi sau đó thì chị T đã về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống. Năm 2017, anh K đi xuất khẩu lao động tại Đ, kể từ đó anh chị sống ly thân đến nay, vợ chồng không quan tâm, liên lạc với nhau. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng của chị và anh K ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng, cả hai bên không đem lại hạnh phúc cho nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh K để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh K có 01 con chung là Vũ Hồng Q, sinh ngày 03/12/2014, hiện nay cháu Q đang sống cùng ông bà nội là ông bà Vũ Hồng N tại thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương. Chị H đề nghị giao con chung cho anh K nuôi dưỡng, chăm sóc. Do chị đi làm ăn xa không có chỗ ở cố định, từ nhỏ đến nay cháu Q đang ở ổn định với ông bà nội. Trong thời gian anh K không có ở nhà thì ông bà nội cháu sẽ thay mặt anh Kỳ nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của anh chị, chị H sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nếu anh K có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Vũ Hồng N là bố của anh Vũ Hồng K. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2019; 26/9/2019 ông N trình bày: Anh K và chị T kết hôn từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Trong thời gian anh K và chị T sống với nhau thì thường xuyên mâu thuẫn và cãi và nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp. Bản thân ông cũng khuyên bảo anh K và chị T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Năm 2017, anh K xuất khẩu lao động tại Đ thì chị T cũng về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, giữa anh K và chị T không liên lạc cũng như qua lại về mặt tình cảm. Anh K đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi và anh Kỳ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nay chị T làm đơn xin ly hôn anh

hoàn toàn đồng ý. Anh K và chị T có 01 con chung là cháu Vũ Hồng Q, sinh ngày 03/12/2014 anh K có nói với ông là quan điểm muốn được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Bản thân ông N là người nuôi dưỡng chăm sóc cháu Q từ bé đến giờ nên ông nhất chí trong thời gian anh K ở nước ngoài thì ông sẽ là người thay mặt anh K chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Vì anh K không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đ nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Ông chỉ liên lạc với anh K khi anh K điện thoại về.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 15759/QLXNC-P5 ngày 02/10/2019 thể hiện: anh Vũ Hồng K, sinh ngày 24/11/1991 tại Hải Dương, CCCD số: 030091004596, khai địa chỉ thường trú tại: xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương; đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp lần lượt 03 hộ chiếu; có thông tin xuất cảnh nhiều lần, lần cuối cùng xuất cảnh ngày 26/7/2018 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C4988152, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Vũ Hồng K đều vắng mặt (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương xác định do thời hạn chuẩn bị xét xử chưa hết nên đề nghị HĐXX cần tiếp tục yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ, hết thời hạn chuẩn bị xét xử thì sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về Tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa chị và anh Vũ Hồng K. Anh K hiện đang sinh sống tại Đ. Do đó TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Hồng K được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống cũng như trong việc làm ăn kinh tế. Hiện nay anh K đang lao động tại Đ còn chị T ở Việt Nam. Giữa anh chị không có sự liên lạc với nhau, tình cảm không còn và sống ly thân nhau đã lâu. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị T và anh K là trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung là cháu Vũ Hồng Q, sinh ngày 03/12/2014. Chị T và anh K cùng thống nhất sau khi ly hôn anh K sẽ là người nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q. Trong thời gian anh K vẫn ở nước ngoài thì anh chị cũng thống nhất ông N là bố của anh K sẽ là người thay mặt anh K nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T về việc giao con chung cho anh K nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh K không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Vũ Hồng K.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Hồng Q, sinh ngày 03/12/2014 cho anh Vũ Hồng K nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm giao cháu Vũ Hồng Q cho ông Vũ Hồng N, trú tại thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh K ở nước ngoài.

Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0009577 ngày 05/9/2019 của Cục THADS tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải D- ơng;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải D- ơng;
- UBND xã N, huyện B;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn